

Số: /QĐ-UBND

Triệu Sơn, ngày tháng năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành quy định quản lý theo đồ án quy hoạch chung xây dựng
xã Hợp Lý, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/06/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến Quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết một số nội dung về Quy hoạch xây dựng; Nghị định 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 về quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng về quy định hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù; Thông tư 02/2017/TT-BXD ngày 01/3/2017 của Bộ Xây dựng quy định hướng dẫn về quy hoạch xây dựng nông thôn;

Căn cứ Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2021 của Chủ tịch UBND huyện về việc phê duyệt quy hoạch chung xây dựng xã Hợp Lý, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030;

Theo đề nghị của phòng Kinh tế và Hạ tầng và UBND xã UBND xã Hợp Lý.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này quy định quản lý theo đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Hợp Lý, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030.

Điều 2. Các phòng, ban, ngành cấp huyện và UBND xã Hợp Lý theo chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm tổ chức triển khai, quản lý thực hiện theo đồ án quy hoạch, quy định quản lý xây dựng được duyệt và theo các quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện; Trưởng các phòng: Kinh tế và Hạ tầng, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính - Kế hoạch, Nông nghiệp và PTNT; Chủ tịch UBND xã Hợp Lý và Thủ trưởng các ban, ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận :

- Như Điều 3 QĐ;
- CT, các PCT UBND huyện;
- UBND xã Hợp Lý;
- Lưu: VT, KTHT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

QUY ĐỊNH

V/v ban hành “Quy định quản lý theo đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã Hợp Lý, huyện Triệu Sơn đến năm 2030”

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND
ngày tháng năm 2022 của Chủ tịch UBND huyện Triệu Sơn)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng áp dụng, phân công quản lý thực hiện

1. Quy định này quy định các công tác quản lý về sử dụng đất, các thông số kỹ thuật và các yêu cầu quản lý về hệ thống hạ tầng kỹ thuật, nguyên tắc kiểm soát, quản lý về không gian, kiến trúc, cảnh quan, bảo vệ môi trường theo đồ án quy hoạch chung xây dựng xã đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Triệu Sơn phê duyệt tại Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2022, làm cơ sở để quản lý; lập quy hoạch các khu chức năng, các điểm dân cư nông thôn; các Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc trong phạm vi xã Hợp Lý.

2. Các chủ đầu tư, Ủy ban nhân dân xã Hợp Lý, các Phòng, Ban, các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước có liên quan có trách nhiệm tuân thủ nội dung Quy định này trong quá trình tổ chức thực hiện theo đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Hợp Lý, huyện Triệu Sơn đến năm 2030.

Điều 2. Phân vùng quản lý quy hoạch

1. Ranh giới quy hoạch:

Phạm vi không gian khu vực lập quy hoạch gồm toàn bộ địa giới hành chính xã Hợp Lý với tổng diện tích 905,89 ha, thực hiện trên bản đồ tỷ lệ 1/5.000, ranh giới cụ thể như sau:

- Phía Bắc giáp xã Xuân Thọ, Thọ Dân.
- Phía Nam giáp xã Hợp Tiến, Cán Khê của huyện Như Thanh.
- Phía Tây giáp xã Thọ Bình, Thọ Tiến.
- Phía Đông giáp xã Hợp Tiến, Thọ Tân, Hợp Thắng.

2. Quy mô dân số:

- Dân số hiện trạng năm 2020 khoảng: 6.216 người.
- Dự báo đến năm 2025 khoảng: 6.500 người.
- Dự báo đến năm 2030 khoảng: 6.798 người.

3. Tính chất, chức năng:

- Tính chất: Là loại quy hoạch xây dựng nông thôn
- Chức năng: Là vùng chủ yếu tập trung phát triển sản xuất lâm nghiệp, giữ gìn và bảo tồn hệ sinh thái, nguồn nước, cảnh quan thiên nhiên, phát triển du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng.
- Kinh tế chủ đạo: Tập trung phát triển sản xuất lâm nghiệp, phát triển du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng.

4. Định hướng phát triển không gian, phân khu chức năng chính

4.1. Định hướng phát triển không gian:

Quy hoạch chung xã Hợp Lý được tổ chức không gian trên nguyên tắc: Các khu đất chức năng tổ chức hiện đại, hài hoà hợp lý, gắn kết đồng bộ với nhau, đảm bảo sử dụng thuận tiện. Kết nối hài hoà không gian giữa các khu vực lân cận, tạo những điểm nhấn cho bộ mặt đô thị trung tâm của xã.

Định hướng đến năm 2030, bố trí không gian phát triển dọc trục đường tỉnh lộ 514 B, tuyến đường Nghi Sơn - Sao vàng và các tuyến đường liên thôn, trục thôn. Phát huy vị thế của xã tiếp giáp với huyện Như Thanh, tập trung đầu tư phát triển các loại hình kinh tế thương mại, dịch vụ để nâng cao giá trị sản xuất, tăng thu nhập cho nhân dân và mức sống dân cư, chỉnh trang không gian dân cư làng xóm. Trong bối cảnh Khu du lịch Bến En đang được quan tâm đầu tư phát triển, khu kinh tế Lam Sơn - Sao vàng, là khu vực trọng điểm Du lịch, kinh tế của tỉnh Thanh Hoá, xã Hợp Lý lại càng có điều kiện để phát triển theo hướng trở thành vùng đệm Khu du lịch Bến En, nâng cao vị thế của xã và đẩy mạnh dịch vụ thương mại kết hợp du lịch làng nghề hoa cây cảnh truyền thống.

Bên cạnh đó, tập trung phát triển kinh tế công nghiệp chủ đạo ở khu vực đường tỉnh lộ 514B, 519 và đầu tư xây dựng các khu vực sản xuất nông nghiệp tập trung ở khu Đông Thành, Tiến Thành, Quang Thanh, Nội Sơn, Yên Trường. Cùng với định hướng quy hoạch vùng huyện Triệu Sơn, xã Hợp Lý sẽ là một trong các xã phát triển kinh tế mũi nhọn làng nghề hoa cây cảnh kết hợp với nông nghiệp trang trại tạo thành các vùng du lịch sinh thái trang trại (farmstay), vùng du lịch trải nghiệm giáo dục nông nghiệp.

Trên cơ sở tuyến đường tỉnh 514 là huyết mạch mở các tuyến đường chu vi đóng vai trò là vành đai tiếp cận về phía Bắc và Nam tạo nên một vùng trung tâm quy mô khoảng 100 ha, trong phạm vi này bao gồm đầy đủ các công trình như: Công sở; Trụ sở Công an xã, Xã đội; Khu trung tâm văn hóa thể dục thể thao, Chợ, trạm y tế, bưu điện và đài tưởng niệm, các công trình về giáo dục.

Việc quy hoạch sắp xếp lại khu vực trung tâm xã đảm bảo giao thông thuận lợi cho công tác đối ngoại, cũng như đối nội đồng thời đảm bảo phục vụ cho

người dân trong toàn xã một cách tốt nhất.

4.2. Các chức năng chính:

- Đất ở mới;
- + Đất dân cư phát triển dạng thấp tầng: Nhà ở liền kề, nhà ở biệt thự;
- + Đất dự trữ phát triển;
- Đất khuôn viên cây xanh, thể dục thể thao;
- Đất công cộng: đất văn hóa, công sở, y tế, công an và đất thương mại

dịch vụ;

- Đất giáo dục;
- Đất khoáng sản, vật liệu xây dựng;
- Đất nghĩa trang;
- Đất mặt nước, nuôi trồng thủy hải sản;
- Đất nông nghiệp;
- Đất rừng sản xuất;
- Đất rừng phòng hộ;
- Đất giao thông

4.3. Quy hoạch sử dụng đất:

4.3.1. Bảng tổng hợp chuyển đổi mục đích sử dụng đất:

STT	Tên dự án	Ký hiệu	Vị trí		Quy mô dự án (ha)	Diện tích giai đoạn thực hiện	
			Thôn	Xứ đồng		2020-2025	2025-2030
I	ĐẤT QUỐC PHÒNG				0,10	0,00	0,10
	Trụ sở làm việc + nhà trực trung đội dân quân CĐ	CQP	Quang Thanh	Khu xóm chợ	0,10		0,10
II	ĐẤT AN NINH				0,10	0,00	0,10
1	Đất Trụ sở công an cấp xã	CAN	Quang Thanh	Khu xóm chợ	0,10		0,10
III	ĐẤT XÂY DỰNG CƠ SỞ VĂN HÓA				0,47	0,33	0,14
1	Nhà văn hóa thôn	DVH-01	Tiến Thành	Cửa Hiển	0,14		0,14
2	Nhà văn hóa thôn	DVH-02	Yên Trung	Đồng Quận	0,33	0,33	0,00
IV	ĐẤT THỂ DỤC - THỂ THAO				1,60	0,60	1,00
1	Đất thể dục thể thao Trung tâm xã	DTT-01	Quang Thanh	Trung tâm xã	1,00		1,00
2	Đất thể dục thể thao thôn Văn Sơn	DTT-02	Văn Sơn	Cổ nhón	0,60	0,60	0,00
V	ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN				10,28	4,73	5,55
1	Khu dân cư thôn Tiến Thành	DCM-01	Tiến Thành	Khu di hoàng	4,1	2	2,1
2	Khu dân cư thôn	DCM-02	Quang Thanh	Khu dịch thủy	0,85		0,85
3	Khu dân cư thôn	DCM-03	Nội Sơn	Khu đồng muống giáp	0,2	0,2	0

STT	Tên dự án	Ký hiệu	Vị trí		Quy mô dự án (ha)	Diện tích giai đoạn thực hiện	
			Thôn	Xứ đồng		2020-2025	2025-2030
				đường 514C			
4	Khu dân cư thôn 9 cũ	DCM-04	Nội Sơn	Khu gốc mít	1,06		1,06
5	Khu dân cư thôn 11 cũ	DCM-05	Văn Sơn	Khu đồng văn	2,17	2,17	
6	Khu dân cư Thôn Yên Trung	DCM-06	Yên Trung	Đồng Quận	0,57	0	0,57
7	Khu dân cư Thôn Yên Trung	DCM-07	Yên Trung	Trước đình	0,97	0	0,97
8	Xen cư Bưu Điện cũ	DXC	Quang Thanh	Bưu điện	0,03	0,03	0
9	Xen cư nhà văn hóa thôn	DXC	Đông Thành	NHV thôn 1 cũ	0,02	0,02	0
10	Xen cư nhà văn hóa thôn	DXC	Đông Thành	NHV thôn 1 cũ	0,07	0,07	0
11	Xen cư nhà văn hóa thôn	DXC	Nội Sơn	NHV thôn 8 cũ	0,05	0,05	0
12	Xen cư nhà văn hóa thôn	DXC	Yên Trung	NHV thôn 12 cũ	0,13	0,13	0
13	Xen cư nhà văn hóa thôn	DXC	Yên Trung	NHV thôn 13 cũ	0,06	0,06	0
VI	ĐẤT CHỢ				1,75	1,75	0,00
1	Chợ nông thôn	DCH-01	Quang Thanh	Đôi diện UBND	0,25	0,25	
2	Chợ nông sản	DCH-02	Quang Thanh	Khu Dịch Thủy	1,50	1,50	
VII	ĐẤT SỬ DỤNG CHO HOẠT ĐỘNG KHOÁNG SẢN				6,37	6,37	0,00
1	Khai thác khoáng sản	SKS01	Đông Thành	Đôi vua Đình	2,25	2,25	
2	Khai thác khoáng sản	SKS02	Đông Thành	Đôi vua Đình	4,12	4,12	
VIII	ĐẤT SƠ SỞ SẢN XUẤT PHI NÔNG NGHIỆP				3,00	3,00	0,00
1	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC01	Văn Sơn	Khu Đồng Văn	3,00	3,00	
IX	ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ				2,75	0,00	2,75
2	Đất thương mại dịch vụ	TMD-01	Nội Sơn	Khu Đôi Lim	2,75		2,75
X	ĐẤT KHU VUI CHƠI				0,50	0,00	0,50
1	Đất khu vui chơi giải trí công cộng	DKV-01	Quang Thanh	Trước UBND xã	0,50		0,50
XI	ĐẤT BÃI THẢI, XỬ LÝ CHẤT THẢI				0,84	0,00	0,84
1	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA-01	Đông Thành	Đầu đập trên	0,84		0,84
XII	ĐẤT KHU NGHĨA ĐỊA				0,75	0,25	0,50
2	Mở rộng NE Ải Giếng	NTD-01	Yên Trung	Khu Ải Giếng	0,25	0,25	
1	Mở rộng NE con cá	NTD-02	Tiến Thành	Khu con cá	0,5		0,50
XIII	ĐẤT CÔNG TRÌNH NĂNG LƯỢNG				0,15	0,15	0,00
1	Di chuyển và hoàn trả các công trình hạ tầng KT phục vụ GPMB		DNL		0,15	0,15	
XIV	ĐẤT GIAO THÔNG				9,22	1,30	7,92
1	Đường Cảng hàng không Thọ		DGT		1,30	1,30	

STT	Tên dự án	Ký hiệu	Vị trí		Quy mô dự án (ha)	Diện tích giai đoạn thực hiện	
			Thôn	Xứ đồng		2020-2025	2025-2030
	Xuân						
2	Đường nối tỉnh lộ 515C và đường từ CHK Thọ Xuân đi KKT Nghi Sơn		DGT		4,88		4,88
3	Đường giao thông trục chính xã		DGT		1,74		1,74
4	Đất giao thông nông thôn, nội đồng		DGT		1,30		1,30
XV	ĐẤT THỦY LỢI				4,68	0,00	4,68
1	Đất thủy lợi		DTL		1,18		1,18
2	Sửa chữa, nâng cấp đập 6/1 (không chu chuyển đất)		DTL		3,50		3,50
XVI	QH PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP				63,70	33,00	30,70
1	Khu SX hoa cây cảnh (Khu1)	HCC-01	Tiến Thành	Khu Nông Giang	18,00	8,00	10,00
2	Khu SX hoa cây cảnh (Khu 2)	HCC-02	Đông Thành	Cầu Trầu, Cồn đá, cồn trắng	12,00	6,00	6,00
3	Khu SX hoa cây cảnh (Khu 3)	HCC-03	Nội Sơn	Cửa đình	9,20	6,00	3,20
4	Khu SX hoa cây cảnh (Khu 4)	HCC-04	Quang Thanh	Khu Cầu Trầu	2,00	2,00	
5	Khu SX hoa cây cảnh (Khu 5)	HCC-05	Văn Sơn	Khu Bãi Trại	4,00	2,00	2,00
6	Khu SX rau an toàn	RAT	Tiến Thành	Khu Bái Mái	2,50	1,00	1,50
7	Khu trang trại nông lâm nghiệp	TRT	Yên Trung	Khu đồi Ngân sách	16,00	8,00	8,00
	TỔNG				106,26	51,48	54,78

4.3.2 Chỉ tiêu sử dụng đất và hạ tầng xã hội

+ Đất ở ≥ 25 m²/người.

+ Đất xây dựng công trình công cộng, dịch vụ ≥ 5 m²/người.

+ Đất giao thông và hạ tầng kỹ thuật ≥ 5 m²/người.

+ Cây xanh công cộng ≥ 2 m²/người.

Chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật

+ Nước cấp cho sinh hoạt ≥ 60 lít/người/ngày đêm.

+ Nước cấp cho sản xuất tiểu thủ công nghiệp tại hộ gia đình $\geq 8\%$ lượng nước cấp cho sinh hoạt.

+ Cấp điện sinh hoạt ≥ 150 W/người.

+ Tỷ lệ thu gom và xử lý nước thải phát sinh $\geq 80\%$ nước cấp.

+ Chất thải rắn sinh hoạt phải được thu gom và xử lý theo quy định.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Khu vực nhà ở dân cư

1. Các chỉ tiêu kỹ thuật yêu cầu:

1.1. Khu vực cải tạo:

Tôn trọng hình thái ở hiện trạng tại các thôn, cải tạo chỉnh trang hệ thống hạ tầng xã hội và kỹ thuật đảm bảo các tiêu chuẩn ngành, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân.

- Về chiều cao tối đa: 1 -3 tầng; hài hoà với cảnh quan tổng thể của khu vực.
- Về quy mô đất hộ gia đình:

1.2. Nhà vườn (sản xuất nông nghiệp):

- Diện tích lô đất: 250 - 500m²; MĐXD: 40-60%; Tầng cao: 1-3 tầng.
- Các công trình chính trong lô đất ở của một hộ gia đình bao gồm: Nhà chính và nhà phụ (bếp, kho, sản xuất phụ); Các công trình phụ; Lối đi, sân, chỗ để rom rạ, củi, rác, hàng rào; Đất vườn, đất ao...

1.3. Nhà song lập:

- Diện tích lô đất: 120 - 300m²; MĐXD: 70 - 80%; Tầng cao: 1-3 tầng.
- Nhà ở nằm dọc theo các trục đường giao thông chính, chủ yếu tập trung ở khu trung tâm xã và trung tâm các điểm dân cư tập trung. Chiều rộng mỗi lô khoảng 5-8m, phía trước và phía sau đều có làm sân vườn nhỏ.

1.4. Nhà liền kề:

- Diện tích lô đất: 120 - 250m²; MĐXD: 70-80%; Tầng cao: 1-3 tầng.
- Nhà ở nằm dọc theo các trục đường chính, chủ yếu tập trung ở khu vực dọc đường Tỉnh lộ 514C. Chiều rộng mỗi lô khoảng 5-7m, không gian ở kết hợp kinh doanh, phía sau có thể làm sân vườn nhỏ.

Các khu dân cư xây dựng mới phải được xây dựng đồng bộ, có đầy đủ hệ thống hạ tầng kỹ thuật, đảm bảo vệ sinh môi trường.

2. Quy định về tầng cao, mật độ xây dựng, chiều cao công trình, chỉ giới xây dựng:

Xã Hợp Lý không có các khu vực đặc thù, vì vậy không khống chế các chỉ tiêu về sử dụng đất như: tầng cao, mật độ xây dựng (mật độ xây dựng thuần, áp dụng cho từng công trình cụ thể), chiều cao công trình, chỉ giới xây dựng trong khuôn khổ đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã. Các chỉ tiêu này sẽ được quy định cụ thể hóa trong các đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 các điểm, khu chức năng trong không gian toàn xã.

Điều 4. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

1. Quy hoạch giao thông:

- Đường tỉnh:

+ Đường tỉnh lộ 506 (Nghị Sơn - Sao Vàng), tổng chiều dài 1,02 km, mặt cắt đường như sau:

Lòng đường = 15,5mx2;

Hành lang = 15 mx2

Chỉ giới đường đỏ = 61m.

+ Đường tỉnh lộ 506 (Nghị Sơn - Sao Vàng), mặt cắt có đường gom như sau:

Hành lang AT và Bảo trì ĐB = 17,0 m

Lòng đường = 12,0 mx2 (Bên trái và bên phải)

KC cố định = 3,0 m x2 (hai bên)

Lòng đước (đường gom) = 6,5 m x 2 (hai bên)

Hành lang GT+bảo trì = 10 mx2 (hai bên)

Chỉ giới đường đỏ = 80m

+ Đường tỉnh lộ 514C có chiều dài 3,46 km từ ngã ba Sim đi xã Xuân Thắng đường cấp III, 4 làn xe, mặt cắt ngang của tuyến như sau:

Đối với đoạn đường qua khu dân cư mới:

Bề rộng mặt đường = 3.0x4m

Hành lang = 17.0mx2 (rãnh mỗi bên 2 m)

Chỉ giới đường đỏ = 46.0m

Đối với đoạn đường qua khu dân cư hiện trạng:

Bề rộng mặt đường = 16m

Hè = 5.0mx2

Chỉ giới đường đỏ = 26.0m

- Đường huyện:

Trên cơ sở tuân thủ định hướng quy hoạch giao thông huyện Triệu Sơn đã được phê duyệt, rà soát, nâng cấp, mở rộng 2 tuyến hiện có hình thành một mạng lưới giao thông liên kết vùng hoàn chỉnh.

+ Đường huyện ĐH-09: Điểm đầu từ xã Hợp Tiến đến xã Thọ Tiến, chiều dài 1,56 km; Nâng cấp, cải tạo đạt quy mô đường cấp IV, 2 làn xe chạy.

+ Đường huyện ĐH-11: Điểm đầu từ xã Thọ Tân- đi đến xã Xuân Thọ, chiều dài 1,49 km; Nâng cấp, cải tạo đạt quy mô đường cấp IV, 2 làn xe chạy.

Mặt cắt ngang như sau:

+ Đối với đoạn đường qua khu dân cư mới:

Bề rộng mặt đường = 7,5 m

Hành lang GT+BT = 10.0mx2

Chỉ giới đường đỏ =27,5 m

+ Đối với đoạn đường qua khu dân cư hiện trạng:

Bề rộng mặt đường = 10,5 m

Via hè+Cây xanh = 5.0mx2

Chỉ giới đường đỏ = 20.5m

- Mở mới tuyến đường từ đường tỉnh lộ 506 (Nghị Sơn – Sao Vàng) đi tỉnh Lộ 515C phục vụ phát triển làng nghề hoa cây cảnh trên địa bàn xã Hợp Lý. Chiều dài tuyến 3,1 km và mặt cắt của tuyến như sau:

+ Đối với đoạn đường qua khu dân cư hiện trạng:

Bề rộng mặt đường = 7,5m

Hành lang = 2.75mx2

Chỉ giới đường đỏ = 13.0m

+ Đối với đoạn đường qua khu dân cư mới:

Bề rộng mặt đường = 7,5m

Hành lang = 9.0mx2

Chỉ giới đường đỏ = 25.5m

*** Hệ thống giao thông đối nội**

- Đường xã:

Các trục đường giao thông xã từng bước được cải tạo nâng cấp một số tuyến với chiều dài 9,75 km để đáp ứng nhu cầu giao thông của nhân dân xã Hợp Lý. Mặt cắt ngang ĐTX-HT.01 đến ĐTX-HT.09:

Bề rộng mặt đường = 7,5m

Via hè = 5.0mx2

Chỉ giới đường đỏ = 17.5m

- Đường trục thôn, ngõ xóm:

Nâng cấp, mở rộng 25 tuyến đường trục thôn, ngõ xóm, tổng chiều dài 15,57 km. Tùy theo điều kiện cụ thể lựa chọn quy mô mặt cắt ngang cho phù hợp. Mặt cắt như sau:

- Các tuyến đường trục thôn, liên thôn được cải tạo mở rộng và nâng cấp, mặt cắt ngang quy hoạch. Kết cấu mặt đường đề xuất với các tuyến chính là bê tông nhựa, đối với đường thôn là bê tông xi măng.

Bề rộng mặt đường = 4.0 m

Lề = 1.0 mx2

Chỉ giới đường đỏ = 6.0 m

- Các tuyến đường ngõ xóm được cải tạo mở rộng và nâng cấp, mặt cắt ngang quy hoạch. Kết cấu mặt đường đề xuất với các tuyến chính là bê tông xi măng.

Bề rộng mặt đường = 3.0m

Lề = 1.0mx2

Chỉ giới đường đỏ = 5m

- Đường nội đồng:

Mở rộng, nâng cấp 9 tuyến đường nội đồng chính, tổng chiều dài 6,79 km. Tùy theo điều kiện cụ thể lựa chọn quy mô mặt cắt ngang cho phù hợp. Quy mô mặt cắt ngang tối thiểu: Mặt đường: (3,0-5,0)m; Nền đường: (3,0-7,5)m; kết cấu mặt đường: mặt đường cứng hóa bằng BTXM và CPĐD.

2. Quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật.

2.1. Giải pháp san nền:

- Đảm bảo khớp nối các khu vực có liên quan, đáp ứng nhu cầu xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật và xây dựng công trình.
- Đảm bảo kết nối giao thông đi lại thuận tiện, an toàn;
- Thuận lợi cho việc thoát nước nhanh và không gây xói lở nền đường nền công trình; không gây ngập úng cục bộ cho các khu vực lân cận;
- Tận dụng địa hình tự nhiên, hạn chế khối lượng đất san lấp và ít tác động nhất đến cảnh quan thiên nhiên.
- San nền cục bộ trong từng lô chức năng, hướng dốc nền ra các tuyến đường giao thông quy hoạch; Độ dốc san nền tối thiểu 0,4% đảm bảo cho nước mặt tự chảy.
- Kinh phí cho công tác chuẩn bị kỹ thuật đất xây dựng thấp nhất
- Các tuyến đường quy hoạch mới sẽ có cao độ phù hợp với cao độ hiện trạng các tuyến đường hiện có.

2.2. Thoát nước mưa:

- Trên cơ sở rà soát hệ thống thoát nước của khu vực; tận dụng tối đa các công trình thoát nước hiện có.
- Bổ sung mạng lưới mương hở, mương nắp đan chạy dọc theo hệ thống đường giao thông thu nước từ các sườn đồi, sườn dốc và nền của các công trình thoát ra công ngang đường được đặt tại các vệt tụ thủy sau đó thoát ra hệ thống sông, suối hiện có.
- Hệ thống thoát nước mưa được thiết kế đảm bảo 100% nước mặt được thoát hết; Không để xảy ra hiện tượng ngập lụt cục bộ trong khu vực lập quy hoạch và khu vực lân cận.
- Mạng lưới thoát nước được bố trí phân tán để giảm tiết diện cống, giảm chiều sâu chôn cống.
- Hệ thống thoát nước dùng hệ thống rãnh nắp đan và mương hở. B400-B1000.
- Một số cống đặt tại vị trí công ngang đường sử dụng cống hộp B1000 – B2000.

3. Quy hoạch cấp nước:

Nhu cầu dùng nước tối đa: $Q = 1.089 \text{ m}^3/\text{ng.đêm}$.

3.1. Nguồn nước:

Được lấy từ nguồn nước hệ thống nước kênh C6 (từ đập Bái Thượng) chạy vào xã Hợp Lý qua trạm xử lý nước sạch. Từ xã Hợp Lý đi theo các tuyến đường giao thông chính đi đến trung tâm xã và xuống các khu dân cư của các thôn

3.2. Giải pháp cấp nước:

Đến năm 2030 sẽ xây dựng đường dây đường ống để cung cấp nước cho tất cả các hộ dân được sử dụng từ nhà máy nước sạch sinh hoạt.

Mạng lưới đường ống cấp nước được thiết kế mạng vòng kết hợp nhánh cụt.

Tiết diện đường ống chính: D300

Tiết diện đường ống phân phối: D200

Nguồn nước ngầm và nước mặt nước sông được sử dụng cung cấp cho sản xuất nông nghiệp.

Độ sâu chôn ống tối thiểu 0,5m tính từ đỉnh ống; đường ống được chôn trong hành lang kỹ thuật của các tuyến đường hoặc qua các khu vực khác thì cần có chỉ dẫn, cảnh báo.

4. Quy hoạch thoát nước thải.

4.1. Đối tượng thoát nước thải

- Nước thải sinh hoạt.
- Nước thải từ các nhà hàng, dịch vụ, công trình nhà hàng khách sạn... phục vụ du lịch và các cơ sở sản xuất kinh doanh.

4.2. Phương án thiết kế

- Đặc điểm của nước thải sinh hoạt gồm 2 loại:
 - + Nước thải nhiễm bẩn do chất bài tiết của con người từ các phòng vệ sinh.
 - + Nước thải nhiễm bẩn do các chất thải sinh hoạt: cặn bã, dầu mỡ từ nhà bếp, các chất tẩy rửa, các chất hoạt động bề mặt từ các phòng tắm, nước rửa vệ sinh sàn nhà.

- Đầu tư xây dựng các bể tự hoại đạt tiêu chuẩn quy định, nước thải được xả ra môi trường sau khi đã được xử lý hợp vệ sinh qua bể tự hoại và thoát ra hệ thống thoát nước mưa.

- Đối với khu vực đất dịch vụ du lịch và cơ sở kinh doanh sản xuất phải xây dựng trạm xử lý nước thải riêng biệt. Nước thải sau khi được xử lý đạt tiêu chuẩn được thải ra hệ thống thoát nước mưa, hoặc tận dụng tưới cây,

5. Chất thải rắn, vệ sinh môi trường:

- Chất thải rắn từ các hộ gia đình và các khu công cộng được thu gom vào các thùng rác công cộng đặt dọc theo các tuyến đường giao thông hoặc người dân sẽ tự vận chuyển rác đến khu vực ga rác để tập kết. Xe chuyên dụng sẽ chạy theo lịch trình và thu gom chất thải rắn từ các thùng rác và ga rác này vận chuyển đến bãi chôn lấp rác của xã.

- Kích thước các thùng rác công cộng có kích thước từ 60 lít đến 660 lít, đặt dọc theo các trục giao thông hoặc các khu vực công cộng với khoảng cách giữa các thùng từ 50 - 100m.

- Quy hoạch hệ thống xử lý rác thải:

+ Rác thải sinh hoạt ở các khu dân cư của xã Hợp Lý sau khi tập kết ở các thôn sẽ thu gom vận chuyển về khu xử lý rác thải của xã theo quy định, tránh

gây ô nhiễm môi trường.

+ Quy hoạch khu tập kết xử lý rác thải diện tích 0,84 ha tại khu đầu đập dưới Thôn Đông Thành.

6. Quy hoạch hệ thống cấp điện, chiếu sáng:

- Tổng nhu cầu sử dụng điện của khu vực quy hoạch: **5376 KVA**.

- Theo quy hoạch phát triển Điện lực tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2016-2025, có xét đến 2035 xã Hợp Lý được cấp điện từ trạm biến áp 110KV Triệu Sơn.

- Các tuyến điện trung áp 22KV cấp điện cho các trạm biến áp phụ tải.

- Các tuyến điện trung áp 22KV quy hoạch được thiết kế đi ngầm, riêng đối với các khu tiểu thủ công nghiệp thì tuyến điện trung áp được thiết kế đi nổi để thuận tiện cho công tác vận hành, Tiết diện dây và kết cấu tuyến đường dây trên không phải tuân thủ theo đúng quy phạm trang bị điện và các quy định của ngành điện.

- Căn cứ nhu cầu sử dụng điện, quy mô dân số và công suất các trạm biến áp hiện có. Cần xây dựng mới thêm 8 trạm biến áp có tổng công suất 2816 KVA. Các trạm biến áp này cấp điện cho điện sinh hoạt điện công trình công cộng, điện sản xuất nông nghiệp. Các máy biến áp này có gam công suất 400KVA, 320KVA, 250KVA, 180KVA đảm bảo bán kính cấp điện từ 200-300. Riêng công suất và vị trí các trạm biến áp cấp điện cho khu tiểu thủ công nghiệp tùy theo quy mô và tính chất của từng cơ sở sản xuất sẽ được thiết kế với các gam máy thích hợp nhưng phải tuân thủ theo các quy định quản lý của khu công nghiệp và quy phạm trang bị điện

Chương III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 5. Mọi hành vi vi phạm các điều khoản của Quy định này tùy theo hình thức và mức độ vi phạm sẽ bị xử lý vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Các cơ quan có trách nhiệm quản lý xây dựng căn cứ Đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã Hợp Lý, huyện Triệu Sơn đến năm 2030 được duyệt và các quy định cụ thể của Quy định này để hướng dẫn thực hiện triển khai các bước tiếp theo.

Điều 7. Đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã Hợp Lý, huyện Triệu Sơn đến năm 2030 được lưu trữ tại Chủ đầu tư và các cơ quan quản lý liên quan để tổ chức thực hiện.

Điều 8. Việc điều chỉnh, bổ sung hoặc thay đổi những nội dung của quy định này phải được UBND huyện xem xét, quyết định./.